

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy; người được giao nhiệm vụ hỗ trợ đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, người bị quản lý sau cai nghiện ma túy; người làm công tác cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Yên Bái

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI
KHÓA XIX - KỲ HỌP 12**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 30 tháng 3 năm 2021;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 26/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định chế độ trợ cấp, phụ cấp đối với công chức, viên chức và người lao động làm việc tại các cơ sở quản lý người nghiện ma túy, người sau cai nghiện ma túy và cơ sở trợ giúp xã hội công lập;

Căn cứ Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

Căn cứ Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma

túy bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

Xét Tờ trình số 52/TTr-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy; người được giao nhiệm vụ hỗ trợ đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, người bị quản lý sau cai nghiện ma túy; người làm công tác cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Yên Bái; Báo cáo thẩm tra số 96/BC-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy; người được giao nhiệm vụ hỗ trợ đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, người bị quản lý sau cai nghiện ma túy; người làm công tác cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

2. Các nội dung, mức hỗ trợ khác không quy định tại Nghị quyết này thực hiện bằng mức chi tại Thông tư số 62/2022/TT-BTC và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

2. Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh.

3. Người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý xã hội, quản lý, hỗ trợ đối tượng cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và người bị quản lý sau cai nghiện ma túy tại cấp xã.

4. Người làm công tác cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh.

5. Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 3. Mức hỗ trợ người cai nghiện ma túy bắt buộc

1. Định mức tiền ăn hằng tháng của người cai nghiện ma túy bắt buộc bằng 0,8 mức lương cơ sở hiện hành. Ngày lễ, Tết dương lịch được hỗ trợ ăn thêm không quá 03 lần tiêu chuẩn ngày thường; các ngày Tết nguyên đán người cai nghiện được hỗ trợ ăn thêm không quá 05 lần tiêu chuẩn ngày thường. Chế độ tiền ăn đối với người cai nghiện bị ốm do Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc

quyết định theo chỉ định của nhân viên y tế điều trị, nhưng không thấp hơn 03 lần tiêu chuẩn ngày thường.

2. Định mức tiền chăn, màn, chiếu, gối, quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân và băng vệ sinh (đối với người cai nghiện ma túy bắt buộc là nữ): Mức hỗ trợ bằng 0,9 mức lương cơ sở hiện hành/người/năm.

3. Người cai nghiện bắt buộc chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trở về địa phương nơi cư trú thì được cơ sở cai nghiện ma túy cấp 01 (một) bộ quần áo mùa hè hoặc 01 (một) bộ quần áo mùa đông nếu người cai nghiện không có: Mức hỗ trợ để mua sắm quần áo thanh toán theo hóa đơn thực tế nhưng tối đa không quá 200.000 đồng/bộ/người (đối với quần áo mùa hè) hoặc 400.000 đồng/bộ/người (đối với quần áo mùa đông).

Điều 4. Mức hỗ trợ người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập

1. Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập được hỗ trợ tiền ăn hàng tháng, tiền quần áo, chăn, màn, chiếu, gối, đồ dùng sinh hoạt cá nhân và băng vệ sinh (đối với người cai nghiện tự nguyện là nữ) bằng 100% mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy bắt buộc quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Nghị quyết này.

2. Thời gian được hưởng chế độ hỗ trợ: Mỗi một người đi cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh chỉ được hưởng một lần chế độ hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 Điều này với thời gian hưởng hỗ trợ không quá 06 tháng.

Điều 5. Mức hỗ trợ người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ đối tượng cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng

1. Căn cứ số lượng người cai nghiện tự nguyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phân công người thực hiện nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng với số lượng người và mức thù lao hàng tháng như sau:

a) Xã, phường, thị trấn có từ 10 người trở xuống cai nghiện ma túy tự nguyện, phân công 01 người; kinh phí hỗ trợ là 360.000 đồng/tháng;

b) Xã, phường, thị trấn có trên 10 người đến 20 người cai nghiện ma túy tự nguyện, phân công từ 01 đến 02 người; tổng kinh phí hỗ trợ là 720.000 đồng/tháng;

c) Xã, phường, thị trấn có trên 20 người cai nghiện ma túy tự nguyện, phân công từ 01 đến 03 người; tổng kinh phí hỗ trợ là 1.080.000 đồng/tháng.

2. Thời gian hưởng mức hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều này được tính từ khi có quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phân công giao nhiệm vụ

tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng cho đến khi kết thúc nhiệm vụ.

Điều 6. Mức hỗ trợ người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ người bị quản lý sau cai nghiện ma túy tại cấp xã

1. Căn cứ số lượng người bị quản lý sau cai nghiện ma túy tại cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phân công người thực hiện nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ người bị quản lý sau cai nghiện ma túy với số lượng người và mức thù lao hằng tháng như sau:

a) Xã, phường, thị trấn có từ 10 người trở xuống bị quản lý sau cai nghiện ma túy, phân công 01 người; kinh phí hỗ trợ là 360.000 đồng/tháng;

b) Xã, phường, thị trấn có trên 10 người đến 20 người người bị quản lý sau cai nghiện ma túy, phân công từ 01 đến 02 người; tổng kinh phí hỗ trợ là 720.000 đồng/tháng;

c) Xã, phường, thị trấn có trên 20 người bị quản lý sau cai nghiện ma túy, phân công từ 01 đến 03 người; tổng kinh phí hỗ trợ là 1.080.000 đồng/tháng.

2. Thời gian hưởng mức hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều này được tính từ khi có quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phân công giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ người bị quản lý sau cai nghiện ma túy cho đến khi kết thúc nhiệm vụ.

Điều 7. Chế độ trợ cấp đặc thù đối với viên chức, người lao động làm việc tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập

Viên chức, người lao động làm việc tại cơ sở cai nghiện bắt buộc được hưởng trợ cấp đặc thù 1.800.000 đồng/người/tháng.

Điều 8. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện hỗ trợ được đảm bảo từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Mức trợ cấp đặc thù đối với viên chức, người lao động làm việc tại cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại Điều 7 Nghị quyết này được áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024.

2. Nghị quyết số 34/2018/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ trợ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức, người lao động làm việc tại cơ sở cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Yên Bái hết hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái khóa XIX, Kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 08 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 18 tháng 7 năm 2023./.

Nơi nhận ^{H2}

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND các huyện, thị xã, thành phố;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, PC.

CHỦ TỊCH



Tạ Văn Long